Đề 1

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng (3 điểm)

Câu 1: (0.5đ). Số liền sau của 78999 là:

a- 78901 b- 78991 c- 79000 d- 78100

Câu 2: (0.5đ). Ngày 28 tháng 4 là thứ sáu. Ngày 4 tháng 5 là thứ mấy?

a- Thứ tư b- Thứ sáu c- Thứ năm d- Chủ nhật

Câu 3: (0.5đ). 9m 6dm = … cm:

a- 9600cm b- 96cm c- 906cm d- 960cm

Câu 4: (0.5đ). Chu vi hình vuông là 96cm, cạnh của hình vuông là:

a- 86cm b- 43cm c- 24cm d- 32cm

Câu 5: (0.5đ) Giá trị biểu thức 700 : 5 x 4 là:

a - 35 b- 560 c- 7500 d- 150.

II. Tự luận (7đ)

Câu 1: Đặt tính rồi tính: (2đ)

7386 + 9548 6732 – 4528 4635 x 6 6336 : 9

....

....

....

Câu 2: Tìm X: (1.5 đ)

a/. X x 8 = 2864 b/. X : 5 = 1232

……. ……

……. ……

Câu 3: (1đ) Tính diện tích hình chữ nhật có chiều dài là 13 cm, chiều rộng là 9cm

Câu 4: (2đ) Mua 9 bút chì hết 5400 đồng. Hỏi mua 6 bút chì như thế hết bao nhiêu tiền?

Câu 5: (0.5đ) An nghĩ ra một số, nếu lấy số đó chia cho 5 thì được thương là 4 và số dư là số dư lớn nhất. Hãy tìm số đó

Đáp án đề kiểm tra học kì II môn Toán lớp 3

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**
Đáp án	**c**	**c**	**d**	**c**	**b**

II. Tự luận (7đ)

Câu 1: Đặt tính rồi tính (2đ)

$$\begin{array}{r} 7386 \\ +\ 9548 \\ \hline 16934 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 6732 \\ -\ 4528 \\ \hline 2204 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 4635 \\ \times\ 6 \\ \hline 27810 \end{array} \qquad \begin{array}{r|l} 6336 & 9 \\ \cline{2-2} 036 & 704 \\ 00 & \end{array}$$

Câu 2: Tìm X: (1.5 đ)

a/. X x 8 = 2864
X = 2864 : 8 (0.25đ)
X = 358 (0.5đ)

b/. X : 5 = 1232
X = 1232 x 5 (0.25đ)
X = 6160 (0.5đ)

Câu 3:

Diện tích hình chữ nhật là: (0.25đ)

13 x 9 = 117 (m^2) (0.5đ)

Đáp số: 117 m^2 (0.25đ)

Câu 4:

Giá tiền 1 bút chì: (0.25đ)

5400 : 9 = 600 (đồng) (0.5đ)

Mua 6 bút chì thì hết: (0.25đ)

600 x 6 = 3600 (đồng) (0.5đ)

Đáp số: 3600 đồng (0.5đ)

Câu 5:

Số dư của phép chia cho 5 lớn nhất sẽ là 4 (0.25đ)

Vậy số An nghĩ ra là:

5 x 4 + 4 = 24 (0.25đ)

Đáp số: 24

Đề 2

Câu 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng: (M1 - 0.5)

Số liền sau của số 54 829 là:

A. 54 828. B. 54 839. C. 54 830. D. 54 819.

Câu 2: 2m 2cm = ... cm. Số thích hợp điền vào chỗ trống là: (M2- 0.5)

A. 4 cm. B. 22 cm. C. 202 cm. D. 220 cm.

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S: (M1- 0.5)

II: Hai IV: Bốn

IV: Sáu V: Năm

X: Mười VI: Sáu

XI: Chín IX: Chín

Câu 4: Hình vuông có cạnh 3cm. Diện tích hình vuông là: (M1 - 0.5)

A. $6cm^2$ B. 9cm C. $9cm^2$ D. 12cm

Câu 5: Kết quả của phép chia 4525 : 5 là: (M1- 0.5)

A. 405 B. 95 C. 905 D. 9025

Câu 6: Đặt tính rồi tính: (M2 - 1)

16427 + 8109 93680 – 72451 724 x 5 21847 : 7

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7: Tính: (M1 - 0.5)

8 x 7 = ... 9 x 9 = ... 54 : 6 = ... 72 : 8 = ...

Câu 8: Bốn bạn Xuân, Hạ, Thu, Đông có cân nặng lần lượt là 33kg, 37kg, 35kg, 39kg. Dựa vào số liệu trên hãy sắp xếp cân nặng của các bạn theo thứ tự tăng dần. (M3 - 1)

.....

Câu 9: Hình bên có .....góc vuông (M1 - 0.5) và .....góc không vuông.

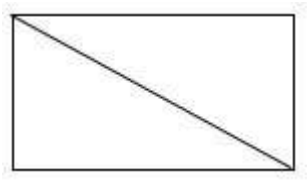

Câu 10: Lan có 5000 đồng, Mai có số tiền gấp 3 lần số tiền của Lan. Vậy số tiền Mai có là: (M2 - 0.5)

A. 8000 đồng B. 3000 đồng C. 15 000 đồng D. 18 000 đồng

Câu 11: Vẽ hình tròn tâm O, đường kính MN = 6cm. (M2 - 1)

.....
.....
.....
.....

Câu 12: 45 chiếc ghế được xếp thành 5 hàng. Hỏi 60 chiếc ghế như thế xếp được thành mấy hàng? (M3 - 2)

.....
.....
.....
.....

Câu 13: Tính nhanh: (M4 - 1)

4 x 126 x 26 134 x 100 + 250 x 100 – 84 x 100

.....
.....
.....
.....

Đề 3

Phần I: Trắc nghiệm

Mỗi bài tập dưới đây có kèm theo các câu trả lời A, B, C, D. hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Bài 1: Số liền sau của số 54 829 là:

A. 54 828. B. 54 839. C. 54 830. D. 54 819.

Bài 2: Số lớn nhất trong các số: 8576; 8759; 8761; 8675 là:

A. 8576. B. 8759. C. 8761. D. 8675.

Bài 3: Kết quả của phép nhân: 1614 x 5 là:

A. 8070. B. 5050. C. 5070. D. 8050.

Bài 4: Kết quả của phép chia 28360: 4 là:

A. 709. B. 790. C. 79. D. 7090.

Bài 5: 2m 2cm =…cm . Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. 4 cm. B. 22 cm. C. 202 cm. D. 220 cm.

Phần II: Tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

a) 16 427 + 8 109 b) 93 680 – 7 245

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức:

a) 1050 : 5 x 4 b) 420 + 150 : 3

Bài 3: Tìm X:

a) X : 5 = 2050 b) 5 x X = 1505

Bài 4: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 36 m, chiều rộng bằng 1/4 chiều dài. Hãy tính diện tích mảnh đất đó?

Đáp án và hướng dẫn làm bài

Phần I: (3 điểm) Khoanh đúng bài 1, 2, 3, 5, mỗi bài được 0,5 điểm; khoanh đúng bài 4 được 1 điểm. (1C; 2C; 3A; 4D; 5C)

Phần II: (7 điểm)

Bài 1: 1 điểm: Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm (đặt tính đúng được 0,25 điểm)

a) 24 536 b) 86 435

Bài 2: 1,5 điểm: Mỗi biểu thức tính đúng được 0,75 điểm (chỉ tính đúng lượt tính thứ nhất được 0,25 điểm)

a) 840 b) 470

Bài 3: 2 điểm: Mỗi câu được 1 điểm (mỗi lượt tính đúng đươc 0,5 điểm)

a) 10 250 b) 301

Bài 4: 2,5 điểm: Mỗi câu lời giải + phép tính đúng được 1 điểm; tóm tắt + đáp số được 0,5 điểm

Bài giải:

Chiều rộng của mảnh đất hình chữ nhật đó là:

36: 4 = 9 (m)

Diện tích của mảnh đất hình chữ nhật đó là:

36 x 9 = 324 (m^2)

Đáp số: 324m^2